

**BV MẮT - TMH - RHM
AN GIANG**

**BẢNG GIÁ THUỐC
NHÀ THUỐC THÁNG 09/2026**

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Giá bán
1	Acecyst	N - acetylcystein	Viên	230
2	Acetazolamid	Acetazolamid	Viên	1,181
3	Acritel-10	Levocetirizin dihydroclorid	Viên	3,289
4	Adacast	Mometason furoat	Lọ	124,950
5	Aerius	Desloratadine	Viên	10,186
6	Agi - neurin	Thiamin mononitrat; Pyridoxin hydroclorid, cyanocobalamin	Viên	356
7	Agicetam 800	Piracetam	Viên	368
8	Agimesi 7,5	Meloxicam	Viên	598
9	Agi-VitaC	Vitamin C	Viên	213
10	Agi-vitac	Vitamin C	Viên	190
11	Azarga	Brinzolamide/Timolol	Lọ	326,340
12	Azopt	Brinzolamide	Lọ	122,534
13	Bilaxten	Bilastine	Viên	6,573
14	Biocemet DT 500mg / 62,5mg	Amoxicillin + acid clavulanic	Viên	10,112
15	Bluemoxi	Moxifloxacin	Viên	51,681
16	Cefuroxime 500mg	Cefuroxime	Viên	7,797
17	Cồn Boric 3%	Cồn boric	Chai	6,741

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Giá bán
18	Cosopt	Dorzolamid (dưới dạng dorzolamid hydroclorid) + Timolol (dưới dạng timolol maleat)	Lọ	220,500
19	Cravit	Levofloxacin Hydrate	Lọ	94,711
20	Cravit 1.5%	Levofloxacin Hydrate	Lọ	121,799
21	Cravit 25mg/5ml	Levofloxacin Hydrate	Lọ	94,711
22	DAREQ	Desloratadine	Viên	5,676
23	Diquas	Natri diquafosol	Lọ	136,159
24	Dopagan 500mg	Paracetamol	Viên	541
25	Duotrav	Travoprost + timolol (dưới dạng Timolol maleate)	Lọ	335,999
26	Ebysta	Calcium carbonate; Sodium Alginate; Sodium bicarbonate	Gói	4,400
27	Effixent	Cefixim (dưới dạng Cefixime trihydrat)	Viên	24,824
28	Efodyl	Cefuroxim	Gói	9,630
29	Eu-Fastmome 50 micrograms /actuation	Mometason furoat	Lọ	366,030
30	Flumetholon 0,1	Fluorometholon	Lọ	34,424
31	Flusort	Mỗi liều xịt chứa: Fluticasone propionate	binh	135,344
32	Gaviscon	Natri alginate + Natri bicarbonate + Calci carbonate	Gói	6,564
33	Halixol	Ambroxol	Viên	1,749
34	Imefed 250mg/31,25mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	Gói	8,025
35	Imefed 500mg/125mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	Gói	10,304
36	Imefed 500mg/125mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	Gói	10,058.

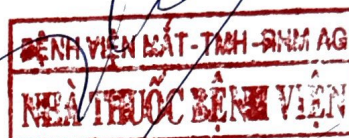
STT	Tên thuốc	Hoạt chất	DVT	Giá bán
37	Imefed DT 250mg/31.25mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	Viên	8,774
38	Imefed DT 500mg/125mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	Viên	9,844
39	Imefed DT 875mg /125mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	Viên	12,840
40	IMEFED SC 250mg/62,5mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	Gói	9,469
41	Kalium chloratum biomedica	Kali clorid	Viên	1,964
42	Letdion	Levofloxacin	Lọ	89,880
43	Levoleo 750	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat 768,7mg)	Viên	16,585
44	Logpatat	Cao Vaccinium myrtillus 50mg; DL- α -Tocopheryl acetate 25mg; L-Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Viên	6,313
45	Medaxetine 500 mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Viên	18,618
46	Medoral	Chlorhexidin digluconat	Chai	96,300
47	Medrol 16mg	Methylprednisolone	Viên	4,039
48	Medskin clovir 800	Acyclovir	Viên	3,520
49	Meseca	Mỗi liều 0,05ml chứa: Fluticason propionat	Lọ	102,720
50	Methylprednisolon 4mg	Methylprednisolone	Viên	977
51	Metiny	Cefaclor	Viên	10,593
52	Mobic	Meloxicam	Viên	9,761
53	MONITAZONE NASAL SPRAY	Mometason furoat	Lọ	176,400
54	Motilium - M	Domperidone maleate, 10mg Domperidone	Viên	2,242
55	Natrofen	Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat)	Viên	36,738
56	Neurontin	Gabapentin	Viên	12,108

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Giá bán
57	Nexium Mups	Esomeprazole	Viên	24,028
58	Nolpaza 20mg	Pantoprazol	Viên	6,153
59	Oflovid	Ofloxacin	Lọ	59,783
60	Oflovid ophthalmic ointment	Ofloxacin	Tuýp	79,746
61	Partamol Eff.	Paracetamol (Acetaminophen)	Viên	2,320
62	Pataday	Olopatadine hydrochloride	Lọ	137,654
63	PM NextG Cal	Hydroxyapatite + Vit D3 + Vit K1 5%	Viên	5,618
64	Polydexa	Neomycin + Polymyxin B + Dexamethason	Lọ	70,620
65	Pred forte	Prednisolone acetate	Chai/lô	58,849
66	Sanlein 0.1	Natri Hyaluronat	Lọ	66,509
67	Sanlein 0.3	Natri Hyaluronat	Lọ	132,300
68	Solso	Natri clorid	Viên	1,120
69	SRK SALTMAX	Natri clorid	Lọ	35,310
70	Stugeron	Cinnarizin	Viên	853
71	Systane Ultra	Systane Ultra	Lọ	64,307
72	TAFLOTAN	Tafluprost	Lọ	257,038
73	Taptiqom-MD	Tafluprost + Timolol (dưới dạng Timolol maleat)	Lọ	275,518
74	Tebonin	Ginkgo Biloba	Viên	11,535
75	Telfor 60	Fexofenadine HCL	Viên	718
76	Tobradex	Tobramycin + Dexamethason	Lọ	50,610

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Giá bán
77	Tobrex	Tobramycin Sulfate	Lọ	42,799
78	Travatan	Travoprost	Lọ	264,914
79	Vicebrol forte	Vinpocetin	Viên	3,080
80	Vigamox 0.5%	Moxifloxacin-Hydroclorid	Chai	96,299
81	ZinC 10	Zinc gluconat (Tương đương Zinc 10mg)	Viên	184

An Giang, ngày 07 tháng 9 năm 2026

PHỤ TRÁCH NHÀ THUỐC



Đào Châu Khanh